

THÔNG BÁO

V/v: Tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2020 (Cao học khóa 29) – Đợt 2

Căn cứ Thông tư 15/2014/T-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/01/2015 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHKTQD);

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2020 (Cao học khóa 29) như sau:

1. Mục tiêu đào tạo

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ gồm 2 định hướng: định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.

1.1 Đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu nhằm tăng cường kiến thức lý thuyết liên ngành, trang bị các kiến thức mới về ngành và kiến thức lý thuyết chuyên sâu về chuyên ngành để người học tăng khả năng nghiên cứu và vận dụng lý thuyết để phân tích, đề xuất giải quyết các vấn đề đặt ra của chuyên ngành.

1.2 Đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng nhằm tăng cường kiến thức liên ngành, vận dụng các kiến thức mới về ngành và kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành để giúp cho người học làm chủ trong việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tế công tác chuyên môn, nghề nghiệp.

2. Các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ

- | | |
|--|--|
| 2.1 Ngành Kinh tế chính trị gồm các chuyên ngành:
- Kinh tế chính trị | 2.8 Ngành Kế toán gồm chuyên ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích |
| 2.2 Ngành Kinh tế học gồm các chuyên ngành:
- Kinh tế học
- Toán Kinh tế - Tài chính
- Thống kê kinh tế
- Lịch sử kinh tế | 2.9 Ngành Quản trị kinh doanh gồm các chuyên ngành:
- Logistics
- Marketing
- Quản trị doanh nghiệp
- QTKD du lịch và khách sạn
- QTKD tổng hợp (Viện QTKD)
- QTKD tổng hợp (Khoa QTKD)
- QTKD quốc tế
- QTKD bất động sản
- QTKD nông nghiệp
- Quản trị chất lượng |
| 2.3 Ngành Kinh tế phát triển gồm các chuyên ngành:
- Kinh tế phát triển
- Kế hoạch phát triển | 2.10 Ngành Quản trị nhân lực gồm chuyên ngành:
- Kinh tế lao động
- Quản trị nhân lực |
| 2.4 Ngành Kinh tế đầu tư gồm chuyên ngành Kinh tế đầu tư | 2.11 Ngành Kinh doanh thương mại gồm chuyên ngành QTKD thương mại |
| 2.5 Ngành Kinh tế quốc tế gồm chuyên ngành Kinh tế quốc tế | 2.12 Ngành Hệ thống thông tin quản lý gồm chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý |
| 2.6 Ngành Kinh tế nông nghiệp gồm chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp | |
| 2.7 Ngành Tài chính - Ngân hàng gồm chuyên ngành:
- Tài chính – Ngân hàng
- Kinh tế bảo hiểm | |

2.13 Ngành Quản lý kinh tế gồm các chuyên ngành:

- Kinh tế và quản lý du lịch
- Kinh tế và quản lý địa chính
- Kinh tế và quản lý môi trường
- Kinh tế và quản lý thương mại
- Quản lý công
- Quản lý kinh tế và chính sách

2.14 Ngành Quản lý công nghiệp gồm chuyên ngành Quản lý công nghiệp

2.15 Ngành Luật kinh tế gồm chuyên ngành Luật Kinh tế

2.16 Ngành Quản lý đô thị

2.17 Ngành Kinh tế Tài nguyên

Ghi chú:

- Các chuyên ngành đào tạo theo định hướng ứng dụng: 35 chuyên ngành thuộc 15 ngành và 02 ngành (Quản lý đô thị, Kinh tế tài nguyên) như ở mục 2.
- Các chuyên ngành có đào tạo theo định hướng nghiên cứu: Kinh tế học, Quản trị doanh nghiệp, QLKT và chính sách, Kế toán Kiểm toán và phân tích, Tài chính ngân hàng.

Quy mô lớp học phần phải đáp ứng yêu cầu được quy định tại quyết định số 3893/QĐ-ĐHKTQD, ngày 17/12/2017 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. Thời gian và tổ chức đào tạo

- Thạc sĩ định hướng nghiên cứu: học vào buổi sáng hoặc chiều các ngày từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần. Thời gian đào tạo là 1,5 năm (bao gồm cả thời gian học các học phần và thời gian viết, bảo vệ luận văn thạc sĩ).

- Thạc sĩ định hướng ứng dụng: học viên có thể đăng ký lựa chọn học vào buổi sáng, hoặc chiều, hoặc tối các ngày trong tuần hoặc cả ngày thứ bảy và chủ nhật. Nếu học tập trung vào các buổi sáng hoặc chiều các ngày trong tuần thì thời gian đào tạo là 1,5 năm; nếu học vào buổi tối các ngày trong tuần hoặc thứ bảy, chủ nhật thì thời gian hoàn thành khóa học là 2,0 năm (bao gồm cả thời gian học các học phần và thời gian viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ).

4. Các môn thi tuyển:

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được thực hiện nhằm đánh giá năng lực tổng hợp và khả năng tư duy logic, phân tích, phê phán và giải quyết vấn đề của thí sinh.

Gồm có 3 môn thi tuyển:

4.1. Môn Luận

Thực hiện theo hình thức thi viết, thí sinh được quyền lựa chọn một trong số các lập luận được đề bài đưa ra để làm bài thi. Thời gian làm bài: 60 phút.

4.2. Môn Kiến thức kinh tế tổng hợp

Thực hiện theo hình thức thi trắc nghiệm. Nội dung thi này được tích hợp từ 2 khối kiến thức gồm: (i) Toán, logic; (ii) Kiến thức chung về kinh tế và xã hội. Thời gian làm bài: 90 phút.

4.3 Ngoại ngữ (môn điều kiện): **Tiếng Anh**, thi trắc nghiệm theo dạng thức TOEFL rút gọn. Điểm đạt yêu cầu: 50/100. Thời gian làm bài: 90 phút.

- Nhà trường không tổ chức hội đồng thi môn tiếng Nga, Pháp, Đức, Trung. Thí sinh có thể đăng ký thi các ngoại ngữ trên tại hội đồng thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ trong cùng năm tại các

trường đại học chuyên đào tạo ngoại ngữ như Đại học ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hà Nội,... Kết quả thi sẽ được coi tương đương với kết quả thi tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Điểm đạt yêu cầu là 50 (thang điểm 100).

Điều kiện được miễn thi môn ngoại ngữ

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo qui định hiện hành; ngôn ngữ sử dụng trong toàn thời gian đào tạo là 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam; bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được Ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận; có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng; ngôn ngữ sử dụng trong toàn thời gian đào tạo của các loại văn bằng trên là 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung.

Lưu ý: Các bằng và bằng điểm đại học và thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận của **Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo**.¹

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ (1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung).

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ dự thi; chứng chỉ có giá trị quốc tế hoặc chứng chỉ trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận bằng văn bản, cụ thể được qui định theo bảng sau đây:

Loại chứng chỉ	Điểm đạt	Tổ chức cấp
Tiếng Anh		
IELTS	4.5	British Council; IDP Australia và University of Cambridge
TOEFL PBT (ITP)	450	Các trung tâm IIG, IIE hoặc các trung tâm do ETS (Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ) ủy quyền
TOEFL CBT	133	
TOEFL iBT	45	
TOEIC	450	
Cambridge Exam	Preliminary PET	Có giá trị quốc tế
BEC	Business Preliminary	
BULATS	41	
Khung Châu Âu	B1	
Các ngoại ngữ khác		
Tiếng Nga	TRKI 1	Có giá trị quốc tế
Tiếng Pháp	DEL F B1, TCF niveau 3	
Tiếng Đức	B1 ZD	
Tiếng Trung	HSK cấp độ 3	

5. Phương thức xét tuyển:

Điều kiện xét trúng tuyển:

- Thí sinh đạt yêu cầu về ngoại ngữ như đã nêu ở trên.
- Điểm xét tuyển là tổng điểm của 2 môn Luận và Kiến thức kinh tế tổng hợp, trong đó điểm của từng môn cần đạt từ từ 5.0 trở lên (trên thang điểm 10).

¹ Trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được quy định tại Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-BGDĐT ngày 16/06/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hợp nhất giữa Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Công thức tính điểm xét tuyển:

$$\text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm Luận} \times 0,4) + (\text{Điểm Kiến thức kinh tế tổng hợp} \times 0,6)$$

Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp của điểm xét tuyển đến khi tuyển đủ chỉ tiêu.

6. Điều kiện dự thi: Người dự thi phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

6.1 Điều kiện bằng cấp

a) Thí sinh dự thi ngành đúng, phù hợp hoặc nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt <10% so với nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành tương ứng tại ĐHKQTĐ thì không phải học bổ sung kiến thức đại học (BSKT).

b) Thí sinh dự thi ngành gần và nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 10% - 20% so với nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành tương ứng tại ĐHKQTĐ thì phải học BSKT 3 môn chuyên ngành.

c) Thí sinh dự thi ngành gần và nội dung chương trình đào tạo đại học khác biệt từ 20% – 40% so với nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành tương ứng tại ĐHKQTĐ thì phải học BSKT 5 môn (2 môn cơ sở và 3 môn chuyên ngành).

d) Thí sinh tốt nghiệp ngành khác (nội dung chương trình đào tạo khác biệt >40% so với nội dung chương trình đào tạo tương ứng tại ĐHKQTĐ) được dự thi vào chuyên ngành thuộc ngành từ 2.7 – 2.14 (mục 2) cần có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực này.

- Nếu ngành tốt nghiệp đại học thuộc một trong các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, khoa học tự nhiên, kiến trúc, xây dựng, xây dựng, nông – lâm nghiệp, công nghệ thông tin, luật,... cần học BSKT 7 môn (4 môn cơ sở và 3 môn chuyên ngành).

- Nếu ngành tốt nghiệp đại học thuộc các ngành ngoại ngữ, y khoa, chính trị, văn hóa – nghệ thuật, thể dục thể thao, mỹ thuật, ... thì phải học BSKT 9 môn (6 môn cơ sở và 3 môn chuyên ngành).

e) Điều kiện dự thi đối với ngành Luật kinh tế:

Thí sinh tốt nghiệp ngành Luật của trường ĐHKQTĐ được dự thi và không phải học BSKT; Thí sinh tốt nghiệp ngành Luật (Luật học, Luật kinh doanh, Luật kinh tế, ...) thuộc các trường ĐH khác (ĐH Quốc gia, ĐH Luật Hà Nội, Học viện Cảnh sát, ...) phải học BSKT 3 môn chuyên ngành.

Ghi chú:

- Việc học BSKT trình độ đại học phải hoàn thành trước khi dự thi.
- Khái niệm ngành đúng, phù hợp, ngành gần và ngành khác đề nghị xem tại [Phụ lục 1](#).
- Danh mục các môn học BSKT đề nghị xem tại [Phụ lục 4](#).

6.2 Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng, phù hợp và ngành gần được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học;

- Thí sinh tốt nghiệp ngành khác được dự thi vào các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý sau 2 năm kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

6.3 Điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khoẻ để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Thông báo tuyển sinh.

7. Đối tượng và chính sách ưu tiên

7.1 *Đối tượng*: Thí sinh thuộc các đối tượng sau đây được hưởng chính sách ưu tiên trong thi tuyển trình độ thạc sĩ:

- a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy hiện hành.
- b) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a Khoản này.
- c) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.
- d) Con liệt sĩ.
- đ) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.
- e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

7.2 *Các loại giấy tờ phải nộp cùng hồ sơ dự thi để hưởng chính sách ưu tiên (bản sao có công chứng)*

- a) Hợp đồng lao động, quyết định tiếp nhận hoặc điều động đi công tác của cấp có thẩm quyền và xác nhận của UBND cấp phường, xã về việc cơ quan đó đặt trụ sở tại địa bàn được ưu tiên (yêu cầu đối với đối tượng a).
- b) Chứng minh thư nhân dân hoặc giấy khai sinh; hộ khẩu và xác nhận của UBND cấp phường, xã nơi thí sinh cư trú (yêu cầu đối với đối tượng b).
- c) Thẻ thương/bệnh binh hoặc các loại giấy tờ liên quan (y/cầu đối với đối tượng c, d, đ).
- d) Giấy khai sinh hoặc hộ khẩu, quyết định của UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học đối với người bị nhiễm chất độc hóa học (yêu cầu đối với đối tượng e).

7.3. *Chính sách ưu tiên*

- a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi 01 điểm (thang điểm 10) cho môn Luận và 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ.
- b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

8. Học phí và kinh phí đào tạo

Sau khi trúng tuyển, học viên thực hiện nghĩa vụ đóng học phí theo quy định của ĐHKQTĐ. Mức học phí có thể điều chỉnh trong năm học và sẽ được thông báo cho học viên trước ít nhất 1 tháng trước thời hạn nộp học phí. Chi tiết xem tại link: shorturl.at/FEHKM

9. Học bổ sung kiến thức, ôn tập

9.1 *Bổ sung kiến thức*

- Thí sinh phải hoàn thành chương trình BSKT trước khi dự thi theo quy định tại mục 5.

- Thí sinh đã có chứng nhận kết quả học BSKT do Trường ĐHKQTĐ cấp thì được miễn học BSKT các môn tương ứng (thời hạn không quá 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi).
- Thời gian đăng ký học và thi:

Nhóm	Thời gian đăng ký học và thanh toán lệ phí	Thời gian học và thi
5, 7 và 9 môn cơ sở	01/8/2020 - 15/8/2020	17/8/2020 – 27/9/2020
3 môn chuyên ngành	01/8/2020 - 29/8/2020	5/9/2020 – 3/10/2020

- Cách thức đăng ký học: Xem chi tiết tại [phụ lục 3](#)
- Lịch học, lịch thi cụ thể từng môn học BSKT sẽ được gửi qua email và công bố trên website.

9.2. Ôn tập

- Môn thi tuyển sinh (Luận và Kiến thức kinh tế tổng hợp) nhằm đánh giá năng lực tổng hợp và khả năng tư duy logic, phân tích, phê phán và giải quyết vấn đề của thí sinh nên thí sinh tự ôn luyện và nghiên cứu tài liệu liên quan đến các chủ đề như đã quy định tại nội dung môn thi phần 4 ở trên. Viện Đào tạo Sau đại học sẽ tổ chức buổi hướng dẫn cách làm bài (mục 11.2), công bố tài liệu hướng dẫn ôn tập, clip hướng dẫn làm bài và các tài liệu liên quan trên website: <http://sdh.neu.edu.vn/>
- Nhà trường tổ chức ôn tập môn Tiếng Anh với thời lượng 5 buổi, học buổi tối hoặc cuối tuần. Học viên có nhu cầu tham gia lớp ôn tập thì đăng ký tại link: <http://tuyensinhdsdh.neu.edu.vn/>.
- Thời gian đăng ký ôn tập môn tiếng Anh và chuyển khoản lệ phí: từ ngày **1/8/2020 – 30/9/2020**
- Thời gian học và địa điểm học: sẽ thông báo cụ thể trên website: <http://sdh.neu.edu.vn/>

10. Hồ sơ tuyển sinh

- Hồ sơ tuyển sinh được nộp bằng 2 hình thức: Kê khai online và bản giấy.
- Danh mục các loại giấy tờ cần trong hồ sơ bản giấy vui lòng xem tại [Phụ lục 2](#)
- Cách thức nộp hồ sơ online và nộp lệ phí dự thi vui lòng xem tại [Phụ lục 3](#)
- Thời hạn nộp hồ sơ và chuyển khoản lệ phí: từ ngày **1/8/2020 đến ngày 30/9/2020**

11. Chỉ tiêu tuyển sinh, giới thiệu thông tin tuyển sinh và thời gian thi tuyển

11.1. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): 415

Dự kiến phân bổ như sau:

TT	Tên ngành đào tạo	Chỉ tiêu	TT	Tên ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1	Kinh tế học	5	10	Kinh tế đầu tư	9
2	Kinh tế chính trị	70	11	Kế toán	23
3	Kinh tế phát triển	4	12	Tài chính - Ngân hàng	20
4	Kinh tế quốc tế	4	13	Quản trị kinh doanh	18
5	Kinh tế nông nghiệp	5	14	Quản lý kinh tế	186
6	Kinh doanh thương mại	10	15	Quản lý công nghiệp	5
7	Quản trị nhân lực	4	16	Kinh tế tài nguyên	12
8	Hệ thống thông tin quản lý	27	17	Quản lý đô thị	11
9	Luật kinh tế	2	Tổng:		415

Ghi chú: Căn cứ vào tổng chỉ tiêu 2020 Trường ĐHKQTĐ đề xuất với Bộ GD&ĐT; căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký dự thi và kết quả thi tuyển thực tế, số lượng thí sinh trúng tuyển cụ thể cho từng ngành của đợt 2 sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

11.2. Địa điểm thi, thời gian thi tuyển, gửi giấy báo dự thi, giấy báo nhập học và khai giảng.

- Địa điểm thi tuyển sinh: Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

- Các mốc thời gian tuyển sinh:

Ngày thi tuyển sinh	Gửi giấy báo dự thi thông báo số báo danh, phòng thi	Công bố kết quả thi	Gửi giấy và tổ chức nhập học	Khai giảng và học tập (dự kiến)
1/11/2020	6/10/2020	12/11/2020	16/11/2020-27/11/2020	12/2020

12. Chương trình tuyển sinh liên kết với Đại học Quốc gia Úc (ANU)

- Năm 2020, trường Đại học Kinh tế Quốc dân tiếp tục tuyển sinh các ứng viên cho chương trình liên kết đào tạo cao học giữa trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Quốc gia Úc (ANU) theo mô hình 1+1, đào tạo 02 chuyên ngành: Kinh tế Quốc tế & Phát triển (Master of International & Development Economics), Kinh tế Tài nguyên và Môi trường (Master of Environmental and Resource Economics). Chính phủ Úc sẽ xét cấp học bổng toàn phần cho học viên Việt Nam học 1 năm tại Úc (năm thứ 2) nếu đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đăng ký dự thi và trúng tuyển cao học khóa 29 (2020-2022) tại Đại học Kinh tế Quốc dân. Điều kiện dự thi, môn thi, cách xét tuyển, ... được quy định ở các mục 1÷11 ở trên.

- Có ít nhất 02 năm công tác liên tục tại Việt Nam kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến thời điểm đăng ký dự tuyển chương trình.

- Điểm tiếng Anh (IELTS) đạt từ 6.0 trở lên (không có điểm kỹ năng nào dưới 5.5)

- Điểm học tập trung bình cao học năm thứ nhất tại Đại học Kinh tế Quốc dân đạt từ 7.0 trở lên.

- Chi tiết về chương trình học tập, học phí, hồ sơ dự tuyển, ... xem tại phụ lục 5, 6.

13. Chương trình Đào tạo Thạc sĩ Điều hành cao cấp (Executive MBA):

Chương trình đào tạo theo hai ngành gồm Quản lý Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, dành riêng cho thí sinh là những người đang giữ vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, ngân hàng và doanh nghiệp. Chương trình đặt trọng tâm mở rộng và nâng cao khả năng xác định tầm nhìn và xây dựng chiến lược, rèn luyện các kỹ năng lãnh đạo và điều hành của người học. Thời gian thi tuyển đợt 2: tháng 10/2020.

Thông tin chi tiết vui lòng xem tại link sau: <http://sdh.neu.edu.vn/executive-mba>

14. Địa chỉ liên hệ:

VIỆN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Địa chỉ: Tầng 4, nhà A1, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phòng 405, 417, 412

Số điện thoại: Tổng đài: (04) 36280280, các số máy lẻ:

5429, 5432, 5436, 5433, 5435, 5420, 5438

Hotline: **0766.088.868**

Website Trường ĐHKQTĐ: www.neu.edu.vn

Website Viện ĐTSĐH: www.sdh.neu.edu.vn

Fangage Viện ĐTSĐH: <https://www.facebook.com/gsneu/>

Email Viện ĐTSĐH: viensdh@neu.edu.vn

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐẠI HỌC QUỐC GIA ÚC (ANU)

Email: thuyanh.qg@gmail.com

Điện thoại: (04) 36 280 280, máy lẻ 5438

CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ ĐIỀU HÀNH CAO CẤP EXECUTIVE MBA

Email: executivemba@neu.edu.vn

Điện thoại: (04) 36280280, máy lẻ 5438

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (đề báo cáo);
- Các Bộ, ngành (Vụ Tổ chức);
- Các UBND, Sở của các tỉnh, TP;
- Các Viện nghiên cứu, trường Đại học, Học viện;
- Các Đơn vị trong trường;
- Lưu P.TH, Viện ĐTSĐH.

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐTS ĐH 2020**

(đã ký)

PGS.TS Phạm Hồng Chương

Phụ lục 1. Khái niệm ngành đúng, phù hợp, ngành gần và ngành khác

1. Ngành đúng, ngành phù hợp: thỏa mãn một trong hai trường hợp sau đây:

- Tên chuyên ngành tốt nghiệp đại học trùng tên với chuyên ngành đăng ký dự thi thạc sĩ.
- HOẶC nội dung chương trình đào tạo đại học khác nhau dưới 10% so với chương trình đào tạo đại học chuyên ngành tương ứng của ĐHKQTĐ.

2. Ngành gần: thỏa mãn một trong 2 trường hợp sau đây

- Tên chuyên ngành tốt nghiệp đại học khác tên chuyên ngành dự thi thạc sĩ nhưng thuộc một trong các nhóm ngành Kinh tế học hoặc các nhóm ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý.

HOẶC nội dung chương trình đào tạo đại học khác nhau từ 10% - 41% so với chương trình đào tạo đại học chuyên ngành tương ứng của ĐHKQTĐ.

3. Ngành khác: ngoài các ngành đúng, phù hợp và ngành gần ở trên và có thời lượng của chương trình đào tạo đại học khác nhau trên 41% so với chương trình đào tạo đại học của ĐHKQTĐ.

Phụ lục 2. Danh mục các loại giấy tờ cần nộp trong hồ sơ

- 1) 01 Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của chính quyền địa phương (nơi có hộ khẩu thường trú) hoặc của Lãnh đạo cơ quan quản lý.
- 2) 01 Công văn giới thiệu đi dự thi của Lãnh đạo cơ quan (*đối với thí sinh do cơ quan cử đi dự thi*).
- 3) 02 Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học, 01 bản sao có công chứng bằng điểm. Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học năm 2020 chưa có bằng tốt nghiệp => yêu cầu Giấy chứng nhận tạm thời hoặc Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học. Thí sinh tốt nghiệp đại học hệ liên thông yêu cầu nộp thêm 01 bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bằng điểm hệ cao đẳng, trung cấp.
- 4) 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa (*thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ*).
- 5) Chứng chỉ tiếng Anh (bản gốc hoặc bản photo công chứng, với đối tượng miễn Ngoại ngữ)
- 6) 01 Bản sao có công chứng các giấy tờ hợp lệ về đối tượng ưu tiên hoặc minh chứng thời gian công tác liên tục trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý (*nếu có*).
- 7) 01 Bản sao có công chứng chứng chỉ học BSKT/chứng nhận kết quả học BSKT hoặc Biên nhận đăng ký học bổ sung kiến thức gửi qua email (*nếu có*).
- 8) 02 Ảnh màu cỡ 3x4 (*ghi rõ họ tên và ngày sinh vào mặt sau ảnh*), thời gian chụp ảnh không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
- 9) 01 Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học nước ngoài cấp (*nếu có*).
- 10) Thư gửi của phần mềm v.v đã đăng ký thành công hồ sơ tuyển sinh năm 2020.

Thí sinh đăng ký chương trình liên kết với Đại học Quốc gia Úc (ANU) nộp bổ sung thêm các loại giấy tờ sau:

- Chứng chỉ tiếng Anh (bản gốc hoặc bản photo công chứng, còn thời hạn)
- Giấy khai sinh (bản sao)
- Hộ chiếu (còn thời hạn)
- Hồ sơ lao động (bản sao)

Lưu ý

- Thí sinh phải mang theo các loại **văn bằng và giấy tờ gốc để đối chiếu**
- Hồ sơ chỉ được nhận khi có đủ các giấy tờ trên
- Hồ sơ không trả lại sau khi nộp

Phụ lục 3. Hướng dẫn cách thức kê khai đăng ký học BSKT, nộp hồ sơ online và hồ sơ (bản giấy)

1. Đăng ký học Bổ sung kiến thức online

Bước 1: Hoàn thiện việc kê khai thông tin cá nhân đăng ký hồ sơ tuyển sinh tại link sau:

<http://tuyensinhdsdh.neu.edu.vn/> => Chọn Cao học => Chọn Bổ sung kiến thức => khai thông tin, upload file ảnh Bằng tốt nghiệp ĐH, bảng điểm ĐH và ghi nhớ **Mã đăng ký** được gửi đến cho thí sinh qua email.

Bước 2: Tiếp nhận thông tin tư vấn về số môn phải học BSKT và chuyển khoản lệ phí cần phải nộp về Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Lệ phí: 600.000đ/môn học.

Chủ tài khoản: Trường Đại học Kinh tế Quốc

dân Số tài khoản: 0320 10137 55555

Ngân hàng: Maritime Bank, chi nhánh Thanh xuân

Nội dung chuyển khoản: [Mã thanh toán] - [Họ và tên] - [Mã đăng ký] – [Lệ phí BSKT 2020]

(Lưu ý: nội dung chuyển khoản phải chính xác như nội dung trong email gửi về thí sinh)

Bước 3: Theo dõi lịch học và lịch thi các môn BSKT trên website và tham dự học, thi theo thời gian quy định.

2. Đăng ký nộp hồ sơ online và hồ sơ (bản giấy)

Bước 1: Hoàn thiện việc kê khai thông tin cá nhân đăng ký hồ sơ tuyển sinh tại link sau:

<http://tuyensinhdsdh.neu.edu.vn/> => Chọn “Cao học” => Chọn “Hồ sơ dự thi online” => Kê khai thông tin và upload file theo hướng dẫn và ghi nhớ **Mã đăng ký** được gửi đến cho thí sinh qua email.

Bước 2: Chuyển khoản lệ phí thi về tài khoản Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, số tiền: 420.000đ, bao gồm: lệ phí thụ lý hồ sơ: 60.000đ, lệ phí thi: 120.000đ/môn. Nếu thí sinh được miễn thi Ngoại ngữ thì chỉ chuyển khoản tổng tiền là 300.000đ.

Chủ tài khoản: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Số tài khoản: 0320 10137 55555

Ngân hàng: Maritime Bank, chi nhánh Thanh xuân

Nội dung chuyển khoản: [Mã thanh toán] - [Họ và tên] – [Mã đăng ký] – [Lệ phí hồ sơ 2020]

(Lưu ý: nội dung chuyển khoản phải chính xác như nội dung trong email gửi về thí sinh)

Bước 3. Thí sinh tự download các loại mẫu giấy tờ có trong hồ sơ tuyển sinh từ website, hoàn thiện và nộp theo thời gian quy định tại mục 10 (không phát hành hồ sơ, danh mục các loại giấy tờ cần nộp xem tại **Phụ lục 2**).

Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Viện Đào tạo Sau đại học hoặc chuyển qua dịch vụ chuyển fast nhanh hoặc gửi thư bảo đảm qua đường bưu điện.

Địa chỉ nhận hồ sơ: Viện Đào tạo Sau đại học, tầng 4, nhà A1 – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Bước 4: Theo dõi các thông báo về số báo danh, lịch thi, phòng thi và các thông báo khác trên website và tham dự kỳ thi theo thời gian quy định.

Lưu ý: - Không nhận hồ sơ chuyển qua các dịch vụ xe ôm, grab,...

- Thí sinh cần gửi file ảnh thẻ, ảnh chụp các loại văn bằng, giấy tờ khác chất lượng tốt, sắc nét, có kích thước <1MB. Các file này sẽ được sử dụng cho việc in thẻ học viên và số hóa hồ sơ học viên trong quá trình đào tạo sau này.

Phụ lục 4: Danh mục các môn học Bổ sung kiến thức

□ **Nhóm 9 môn** bao gồm 06 môn sau và 3 môn chuyên ngành

+ Kinh tế phát triển + Kinh tế vi mô + Thống kê kinh tế
+ Quản trị kinh doanh + Kinh tế Vĩ mô + Lý thuyết tài chính tiền tệ

□ **Nhóm 7 môn** bao gồm 04 môn sau và 3 môn chuyên ngành:

+ Kinh tế phát triển + Kinh tế vi mô
+ Quản trị kinh doanh + Kinh tế Vĩ mô

□ **Nhóm 5 môn** bao gồm 2 môn sau và 3 môn chuyên ngành:

+ Kinh tế phát triển² + Quản trị kinh doanh³

□ **Nhóm 3 môn chuyên ngành:**

STT	Chuyên ngành	Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	Điều khiển học kinh tế	Lý thuyết mô hình toán kinh tế	Kinh tế lượng	Thống kê toán
2	Kế hoạch phát triển	Kế hoạch hóa phát triển	Chương trình dự án phát triển KT-XH	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội
3	Kế toán, kiểm toán và phân tích	Kế toán tài chính	Kế toán quản trị	Lý thuyết kiểm toán
4	Kinh tế bảo hiểm	Bảo hiểm thương mại	Bảo hiểm xã hội	QTKD Bảo hiểm
5	Kinh tế chính trị	Lịch sử các học thuyết kinh tế	KTCT Mác Lênin - Tư bản chủ nghĩa	Những VĐKTCT trong TKQĐ lên CNXH ở VN
6	Kinh tế đầu tư	Kinh tế đầu tư	Lập dự án đầu tư	Quản lý dự án đầu tư
7	Kinh tế quốc tế	Nền kinh tế thế giới và các QHKTQT	Chính sách kinh tế đối ngoại	Đàm phán ký kết hợp đồng KT&KDQT
8	Kinh tế và quản lý du lịch	Kinh tế du lịch và khách sạn	Quản trị kinh doanh lữ hành	Quản trị kinh doanh Khách sạn
9	Kinh tế học	Phân tích kinh tế vi mô	Phân tích kinh tế vĩ mô	Phân tích chính sách
10	Kinh tế lao động	Kinh tế nguồn nhân lực	Quản lý nguồn nhân lực công	Phân tích lao động xã hội
11	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	Phân tích CS nông nghiệp nông thôn	Quản trị kinh doanh nông nghiệp
12	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	Kinh tế công cộng

² Thí sinh đăng ký học BSKT vào các chuyên ngành mà có môn chuyên môn trùng với môn cơ sở đã được đánh dấu (³) thì môn cơ sở này sẽ thay bằng môn Kinh tế vi mô hoặc Kinh tế vĩ mô. Thí sinh được quyền lựa chọn 1 trong 2 môn đó.

STT	Chuyên ngành	Môn 1	Môn 2	Môn 3
13	Tài chính ngân hàng	Tài chính công	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Tài chính doanh nghiệp
14	Kinh tế và quản lý địa chính	Kinh tế đất và bất động sản	QLNN về đất đai và bất động sản	Định giá đất và bất động sản
15	Kinh tế và quản lý môi trường	Kinh tế môi trường	Quản lý môi trường	Kinh tế và kế hoạch hoá vùng
16	Kinh tế và quản lý thương mại	Kinh tế và quản lý thương mại	Thương mại quốc tế	Quản trị doanh nghiệp thương mại
17	Lịch sử kinh tế	Phương pháp luận NCLSKT	Kinh tế thế giới	Kinh tế Việt Nam
18	Luật kinh tế	Luật thương mại	Luật thương mại quốc tế	Giải quyết tranh chấp kinh doanh
19	Logistics	Logistics	Quản trị giao nhận kho vận	Quản trị dịch vụ
20	Marketing	Quản trị marketing	Nghiên cứu marketing	Truyền thông marketing
21	QTKD Bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Thị trường bất động sản	Định giá bất động sản
22	QTKD Du lịch và khách sạn	Kinh tế du lịch	Quản trị kinh doanh lữ hành	Quản trị kinh doanh khách sạn
23	QTKD Nông nghiệp	QTKD nông nghiệp	Marketing nông nghiệp	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn
24	QTKD Quốc tế	Quản trị doanh nghiệp có vốn FDI	Nghiệp vụ ngoại thương: Lý thuyết và thực hành	Kinh doanh quốc tế
25	QTKD Thương mại	Kinh tế thương mại	Quản trị doanh nghiệp thương mại	Thanh toán thương mại quốc tế
26	QTKD Tổng hợp (Khoa QTKD)	Quản trị kinh doanh	Quản trị tác nghiệp	Chiến lược kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu
27	QTKD Tổng hợp (Viện QTKD)	Lý thuyết Quản trị kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Quản trị CNTT doanh nghiệp
28	Quản lý công	QL tổ chức công và phi lợi nhuận	Vai trò của Chính phủ trong nền KTTT	Phân tích chính sách công
29	Quản lý công nghiệp	Kinh tế và quản lý công nghiệp	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị công ty
30	Quản lý kinh tế và chính sách	Khoa học quản lý	Quản lý nhà nước về kinh tế	Chính sách kinh tế
31	Hệ thống thông tin quản lý	Công nghệ phần mềm	Cơ sở dữ liệu	Hệ thống thông tin quản lý
32	Quản trị chất lượng	Quản trị chất lượng	Quản trị năng suất	Quản trị kinh doanh
33	Quản trị Doanh nghiệp	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị chiến lược	Quản trị tác nghiệp
34	Quản trị nhân lực	Quản trị nhân lực	Tổ chức và định mức lao động	Hành vi tổ chức
35	Thống kê kinh tế	Lý thuyết thống kê	Thống kê kinh tế	Điều tra xã hội học
36	Kinh tế tài nguyên	Kinh tế tài nguyên	Quản lý tài nguyên	Thị trường tài nguyên và sản phẩm tài nguyên
37	Quản lý đô thị	Kinh tế đô thị	Quản lý đô thị	Quy hoạch vùng và đô thị

Phụ lục 5. Thông tin học bổng chương trình thạc sĩ liên kết giữa Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU) và Đại học Quốc gia Úc (ANU) theo mô hình 1+1

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân thông báo học bổng chương trình liên kết đào tạo quốc tế giữa NEU và ANU theo mô hình 1+1 như sau:

1. Thông tin chung

- Ngày 16 tháng 5 năm 2016, thỏa thuận hợp tác liên kết đào tạo thạc sĩ giữa trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học Quốc gia Úc theo mô hình 1+1 đã được ký kết nhằm mục đích hỗ trợ học viên Việt Nam và khuyến khích hợp tác quốc tế trong giáo dục thông qua việc cấp học bổng đến học tập tại Úc. Năm 2020, chương trình Học bổng Chính phủ Australia (Australia Awards Scholarship) dành học bổng toàn phần một năm tại Úc cho các ứng viên đăng ký chương trình thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Thời gian đào tạo: 2 năm (01 năm học tại ĐHKQTĐ và 01 năm học tại ĐHQG Úc). Học viên sau khi hoàn thành năm học thứ nhất tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ được xét chuyển tiếp sang trường Đại học Quốc gia Úc học tiếp năm thứ 2.
- Chuyên ngành đào tạo: Kinh tế Quốc tế & Phát triển (Master of International & Development Economics), Kinh tế Tài nguyên và Môi trường (Master of Environmental and Resource Economics).
- Học viên khi hoàn thành khóa học sẽ được Đại học Quốc gia Úc cấp bằng thạc sĩ.

2. Điều kiện dự tuyển

Thí sinh được tham dự chương trình nếu đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đăng ký dự thi và trúng tuyển cao học khóa 29 (2020-2022) chuyên ngành tương ứng tại Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Có ít nhất 02 năm công tác liên tục tại Việt Nam kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến thời điểm đăng ký dự tuyển chương trình.
- Điểm tiếng Anh (IELTS) đạt từ 6.0 trở lên (không có điểm kỹ năng nào dưới 5.5)
- Điểm học tập trung bình cao học năm thứ nhất tại ĐH Kinh tế Quốc dân đạt từ 7.0 trở lên.

3. Đăng ký dự thi

Bước 1: Đăng ký dự thi và trúng tuyển vào cao học K29 tại ĐHKQTĐ

- Chuyên ngành đào tạo, điều kiện dự thi, môn thi, cách xét tuyển, hồ sơ dự thi,... được quy định và yêu cầu hoàn thiện như các mục trên (mục 1->12).
- Địa chỉ đăng ký hồ sơ online: <http://qltdt.neu.edu.vn/tuyensinhv2/Index.aspx/Cao học/Hồ sơ dự thi online/> => kê khai thông tin và tích chọn mục **Đăng ký tham dự chương trình thạc sĩ 1+1 NEU-ANU**.

Bước 2: Đăng ký xin xét cấp học bổng

- Đường link nộp hồ sơ trực tuyến tại <https://oasis.dfat.gov.au/>
- Thời gian nộp hồ sơ trực tuyến: Từ 01/02/2020 đến 30/04/2020
- Đường link hướng dẫn cách nộp hồ sơ: <http://australiaawardsvietnam.org/index.php/vi/applicants-2/how-to-apply/how-to-apply-2>
Đường link câu hỏi thường gặp: <http://australiaawardsvietnam.org/index.php/vi/applicants-2/applicants-faq#FAQ15> Ngoài các hồ sơ bổ trợ trên, thí sinh cần hoàn thiện thông tin trong phiếu xác nhận đã đăng ký tham gia chương trình đào tạo liên kết giữa NEU-ANU. Theo mẫu “Split Course Master Program Application” ở phụ lục 4.

Bước 3. Phỏng vấn

Sau khi trúng tuyển vào cao học K29 và hồ sơ đăng ký chương trình 1+1 được xét duyệt, thí sinh được lựa chọn sẽ vào vòng thi Phỏng vấn. Khi phỏng vấn, thí sinh mang theo hồ sơ bản giấy đề Chương trình Học bổng Chính phủ Australia kiểm tra. Thời gian phỏng vấn dự kiến từ **27/06/2020 đến 23/07/2020**.

(*) Lưu ý:

- Thông tin về học bổng có trong file đính kèm
- Hồ sơ đăng ký dự thi cao học K29 và đồng đăng ký chương trình liên kết giữa Đại học Kinh tế Quốc dân (NEU) và Đại học Quốc gia Úc (ANU) theo mô hình 1+1 nộp về địa chỉ sau:

Liên hệ:

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT VỚI ĐẠI HỌC QUỐC GIA ÚC (ANU)

Bùi Thùy Anh, phòng 405 tầng 4 nhà A1, Viện ĐT Sau đại học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Email: thuyanh@neu.edu.vn

Điện thoại: (04) 36 280 280, máy lẻ 5438

Phụ lục 6. Split Course Master Program Application

Full Name: *(To be completed by applicant)*

Date of Birth: *(To be completed by applicant)*

Application Number *(e.g.: AASxxxxxx)*

Please tick in one box to indicate the split course Master program for which you wish to apply.

1.

Master of International and Development Economics

CRICOS on ANU website: 082308A

Course duration: 2 years - Year 1 at the National Economics University and Year 2 at the Australian National University

☐

2.

OR Master of Environmental and Resource Economics

CRICOS on ANU website: 0082295A

Course duration: 2 years – Year 1 at the National Economics University and Year 2 at the Australian National University

☐

To apply for the above Master programs, I am willing to meet all National Economics University's fees for Year 1 studies as well as meet my living costs for the duration of study in Vietnam. For Year 2 studies at the Australian National University, I will fully comply with the Australian Awards Scholarship conditions and adhere to my responsibilities as an Australian Awards Scholarship recipient.

Please note that this document should be uploaded with your application.

Signature of applicant:

Date,